

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ LAO ĐỘNG
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 6729/SLĐTBXH- GDNN Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2019

Về báo cáo thực hiện giáo dục chuyển
đổi hành vi xây dựng và phòng,
chống bạo lực gia đình.

Kính gửi:

- Hiệu trưởng các trường Cao đẳng;
- Hiệu trưởng các trường Trung cấp.

Tiếp nhận Công văn số 5825/SVHTT-XDNSVHGD ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Sở Văn hóa và Thể thao về báo cáo Bộ Chỉ số theo dõi và đánh giá Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020 trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

Sở Lao động Thương binh và Xã hội đề nghị Thủ trưởng các đơn vị báo cáo kết quả việc thực hiện giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình tại các trường (Theo mẫu Đề cương đính kèm).

Báo cáo của đơn vị vui lòng gửi về Sở Lao động -Thương binh và Xã hội (thông qua Phòng Giáo dục nghề nghiệp, số 159 Pasteur, quận 3, Email: gdn.slđtbxh@tphcm.gov.vn) trước ngày **27/03/2019** để tổng hợp, báo cáo theo quy định. Trong trường hợp đơn vị không thực hiện các nội dung trong đề cương báo cáo, vui lòng ghi rõ “Không thực hiện”.

Sở Lao động Thương binh và Xã hội đề nghị Thủ trưởng đơn vị triển khai thực hiện theo nội dung và tiến độ yêu cầu./. *vu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD và các PGD Sở (để báo cáo);
- Lưu: VT.P.GDNN (L).

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Lâm

CƠ QUAN CHỦ QUẢN.....

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - tự do - hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 2019

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Việc thực hiện giáo dục chuyển đổi hành vi về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình

I. Tình hình thực hiện

1. Tình hình triển khai thực hiện

Nêu rõ tình hình triển khai việc thực hiện Giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình tại đơn vị (tổng số lượt người, giới tính, độ tuổi, đối tượng...)

2. Thuận lợi và khó khăn

Nêu rõ các thuận lợi và khó khăn, thách thức trong quá trình triển khai thực hiện giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình cho sinh viên hiện nay.

II. Kết quả thực hiện

stt	Tên đơn vị	Loại hình trường		Tổng số người học đang theo học tại trường	Số người được giáo dục chuyển đổi hành vi			Ghi chú
		Công Lập	Tư Thục		Tổng số	Phân theo giới tính		
						Nam	Nữ	
1	Trường Cao đẳng A	x						
2	Trường Trung cấp B		x					
								

III. Kiến nghị

Thủ trưởng đơn vị
(Ký và đóng dấu)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6524/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 12 năm 2017

SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO TP. HỒ CHÍ MINH	
CV ĐỀN	Số: 34.22.11
	Ngày: 12/12

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Bộ Chỉ số theo dõi và đánh giá việc thực hiện
Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình
đến năm 2020 tại Thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Quyết định số 21/2016/QĐ-TTg ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp liên ngành về phòng, chống bạo lực gia đình;

Căn cứ Quyết định số 4022/QĐ-BVHTTDL ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về ban hành Bộ Chỉ số theo dõi và đánh giá việc thực hiện Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 820/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 629/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc “Phê duyệt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 2084/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Chương trình hành động phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tại Công văn số 7350/SVHTT-XDNSVHGD ngày 01 tháng 12 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Bộ Chỉ số theo dõi và đánh giá việc thực hiện Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Giao Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao chịu trách nhiệm chủ trì và hướng dẫn triển khai, thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ngành thành phố, các đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND. TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam TP;
- Các sở, ban, ngành; Đoàn thể TP;
- Các thành viên BCĐ Công tác gia đình TP;
- Đài Truyền hình TP;
- Đài Tiếng nói nhân dân TP;
- VPUB: Các PVP;
- Phòng VX, TH;
- Lưu: VT, (VX-VP). 70



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

al
Nguyễn Thị Thu

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Bộ Chỉ số theo dõi và đánh giá việc thực hiện
Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình
đến năm 2020 tại Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 6524 /QĐ-UBND
ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Triển khai thực hiện Quyết định số 4022/QĐ-BVHTTDL ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về ban hành Bộ Chỉ số theo dõi và đánh giá việc thực hiện Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020. Giảm sự chồng chéo, tăng cường phối hợp triển khai trong công tác phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Thu thập và quản lý thông tin về phòng, chống bạo lực gia đình; xác định các mục tiêu ưu tiên và hỗ trợ cần thiết để giải quyết các vấn đề trong quá trình thực hiện Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình.

3. Theo dõi và đánh giá đúng tình hình thực hiện phòng, chống bạo lực gia đình gắn với quá trình thực hiện kế hoạch tổng thể và kế hoạch hàng năm của cơ quan, đơn vị; đưa ra những cảnh báo sớm để có sự điều chỉnh phù hợp, nhằm đảm bảo Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đạt được kết quả tốt nhất.

II. NGUYÊN TẮC THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ

1. Theo dõi, đánh giá phải căn cứ vào kế hoạch tổng thể triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Theo dõi, đánh giá phải triển khai đồng thời và thực hiện liên tục với sự tham gia của tất cả các bên liên quan đến các hoạt động Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình.

3. Đảm bảo tính khả thi, hiệu quả của công tác theo dõi và đánh giá. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động theo dõi và đánh giá. Công thức sử dụng trong báo cáo đánh giá phải đơn giản, dễ hiểu, phù hợp với trình độ của người thực hiện theo dõi và đánh giá.

III. CÁC CHỈ SỐ ĐẶC THÙ THEO TỪNG SỞ - NGÀNH THÀNH PHỐ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ

1. Tỷ lệ phần trăm lượt nạn nhân bạo lực gia đình được bảo vệ an toàn (mã số M6d)

a) Định nghĩa:

Tỷ lệ nạn nhân bị bạo lực được bảo vệ an toàn là số lượt nạn nhân được cơ quan công an bảo vệ (trong và sau khi bạo lực gia đình xảy ra) của một địa bàn trong kỳ báo cáo.

b) Giải thích:

- Số lượng lượt nạn nhân được bảo vệ an toàn là số lượt nạn nhân được công an bảo vệ trong và sau khi xảy ra bạo lực gia đình.

- Thu thập số liệu theo giới tính, độ tuổi (dưới 16 tuổi, từ 16 đến 59 tuổi và 60 tuổi trở lên), thành phần dân tộc (dân tộc Kinh, Hoa và dân tộc thiểu số khác) và hình thức bảo vệ (cầm tiếp xúc,...).

c) Công thức tính:

Số lượt nạn nhân bạo lực gia đình của một khu vực
trong kỳ báo cáo được bảo vệ an toàn trong và sau khi
xảy ra vụ việc bạo lực gia đình

x 100

Tổng số lượt nạn nhân bạo lực gia đình
của khu vực đó trong cùng kỳ

d) Trách nhiệm cung cấp số liệu: Công an thành phố.

2. Tỷ lệ phần trăm người gây bạo lực gia đình bị xử phạt vi phạm hành chính (mã số M7b)

a) Định nghĩa:

Là tỷ lệ phần trăm lượt người gây bạo lực gia đình bị xử phạt hành chính của một khu vực trong kỳ báo cáo.

b) Giải thích:

Thu thập số liệu theo giới tính, độ tuổi (dưới 16 tuổi, từ 16 đến 59 tuổi và 60 tuổi trở lên), thành phần dân tộc (dân tộc Kinh, Hoa và dân tộc thiểu số khác), hình thức bị xử phạt hành chính.

c) Công thức tính

Số lượt người gây bạo lực gia đình của một khu vực
trong kỳ báo cáo bị xử phạt hành chính

x 100

Tổng số lượt người gây bạo lực gia đình của khu vực đó
trong cùng kỳ

d) Trách nhiệm cung cấp số liệu: Công an thành phố.

3. Tỷ lệ phần trăm vụ bạo lực gia đình đề nghị truy tố (mã số M7c).

a) Định nghĩa:

Là số vụ bạo lực gia đình của một địa bàn trong kỳ báo cáo bị truy cứu trách nhiệm hình sự (vụ bạo lực gia đình bị khởi tố, truy tố).

b) Giải thích:

- Tổng số vụ bạo lực gia đình, tổng số người và lượt người gây bạo lực gia đình bị công an khởi tố, Viện Kiểm sát nhân dân truy tố.

- Thu thập số liệu theo tổng số vụ, tổng số người, lượt người; giới tính; độ tuổi (dưới 16 tuổi, từ 16 đến 59 tuổi và 60 tuổi trở lên); thành phần dân tộc (dân tộc Kinh, Hoa và dân tộc thiểu số khác).

c) Công thức tính:

$$\frac{\text{Tổng số vụ bạo lực gia đình của một khu vực trong kỳ báo cáo bị truy cứu trách nhiệm hình sự}}{\text{Tổng số vụ bạo lực gia đình của khu vực đó trong cùng kỳ}}$$

x 100

Tổng số vụ bạo lực gia đình của khu vực đó trong cùng kỳ

d) Trách nhiệm cung cấp số liệu:

Công an thành phố cung cấp số liệu vụ án đề nghị khởi tố, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố cung cấp số liệu vụ án bị truy tố liên quan đến bạo lực gia đình. Viện Kiểm sát nhân dân thành phố làm đầu mối phối hợp, chịu trách nhiệm tổng hợp các số liệu vụ án bạo lực gia đình bị khởi tố, truy tố.

4. Tỷ lệ phần trăm vụ bạo lực gia đình đề nghị xét xử (mã số M7d).

a) Định nghĩa:

Là số vụ án bạo lực gia đình bị tòa án xét xử của một địa bàn trong kỳ báo cáo.

b) Giải thích:

- Tổng số vụ án liên quan đến bạo lực gia đình Tòa án xét xử.

- Thu thập số liệu theo tổng số vụ án, tổng số người, lượt người, giới tính, độ tuổi (dưới 16 tuổi, từ 16 đến 59 tuổi và 60 tuổi trở lên), thành phần dân tộc (dân tộc Kinh, Hoa và dân tộc thiểu số khác) và hình thức xét xử (xét xử tại Tòa án, xét xử lưu động...).

c) Công thức tính:

$$\frac{\text{Tổng số lượt người gây bạo lực gia đình của một khu vực trong kỳ báo cáo bị đưa ra xét xử}}{\text{Tổng số lượt người gây bạo lực gia đình của khu vực đó trong cùng kỳ}}$$

x 100

Tổng số lượt người gây bạo lực gia đình của khu vực đó trong cùng kỳ

d) Trách nhiệm cung cấp số liệu: Tòa án nhân dân thành phố.

5. Tỷ lệ đôi nam nữ khi đăng ký kết hôn được cung cấp thông tin, kiến thức, kỹ năng về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình (mã số M1b)

a) Định nghĩa:

Tỷ lệ phần trăm đôi nam nữ khi đăng ký kết hôn của một địa bàn trong kỳ báo cáo được cung cấp thông tin, kiến thức, kỹ năng về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình.

b) Giải thích:

- Là số đôi nam nữ trước khi kết hôn được trang bị kiến thức về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình tính trên 100 đôi nam nữ trước khi kết hôn của một địa bàn trong kỳ báo cáo.

- Thu thập số liệu theo tổng số đôi nam nữ, hình thức cung cấp thông tin (tờ rơi, tờ gấp, sinh hoạt chuyên đề, truyền thanh, hội thảo, hội nghị...).

c) Công thức tính:

Số lượng đôi nam nữ đăng ký kết hôn được cung cấp thông tin, kiến thức, kỹ năng về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình của một địa bàn trong kỳ báo cáo

x 100

Tổng số đôi nam nữ đăng ký kết hôn
của địa bàn đó trong cùng kỳ

d) Trách nhiệm cung cấp số liệu: Sở Tư pháp.

6. Tỷ lệ phần trăm lượt nạn nhân bạo lực gia đình được tiếp cận dịch vụ tư vấn pháp lý bao gồm cả trợ giúp pháp lý, (mã số M6b)

a) Định nghĩa:

Tỷ lệ phần trăm lượt nạn nhân bạo lực gia đình của một địa bàn trong cùng kỳ báo cáo được tiếp cận hoạt động tư vấn pháp lý (bao gồm cả trợ giúp pháp lý).

b) Giải thích:

- Tỷ lệ nạn nhân bạo lực gia đình được tiếp cận dịch vụ tư vấn pháp lý là số lượt nạn nhân được tiếp cận hỗ trợ dịch vụ tư vấn pháp lý tính trên 100 lượt nạn nhân bị bạo lực của một địa bàn trong kỳ báo cáo (bao gồm cả tư vấn miễn phí và tư vấn trả tiền).

- Thu thập số liệu theo tổng số vụ, tổng số người, lượt người; giới tính; độ tuổi; thành phần dân tộc (dân tộc Kinh, Hoa và dân tộc thiểu số khác); hình thức trợ giúp pháp lý (đường dây nóng...).

- Chỉ thống kê số liệu trợ giúp pháp lý của ngành Tư pháp (tư vấn về pháp luật). Không thống kê số liệu các đơn vị: Hội Liên hiệp Phụ nữ, ngành Y tế, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

c) Công thức tính:

$$\frac{\text{Số lượt nạn nhân bạo lực gia đình được tư vấn pháp lý của một địa bàn trong kỳ báo cáo}}{\text{Tổng số lượt nạn nhân bạo lực gia đình của địa bàn đó trong cùng kỳ}} \times 100$$

d) Trách nhiệm cung cấp số liệu: Sở Tư pháp.

7. Tỷ lệ phần trăm lượt nạn nhân bạo lực gia đình được tiếp cận dịch vụ chăm sóc y tế (mã số M6c)

a) Định nghĩa:

Tỷ lệ phần trăm lượt nạn nhân bạo lực gia đình được chăm sóc y tế của một khu vực trong kỳ báo cáo.

b) Giải thích:

- Số lượt nạn nhân bạo lực gia đình được chăm sóc y tế là số lượt nạn nhân được thầy thuốc khám lâm sàng hoặc kết hợp cận lâm sàng hay các thủ thuật thăm dò khác để chuẩn đoán và điều trị tại các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập trên địa bàn thành phố. Chỉ thống kê số liệu dịch vụ chăm sóc sức khỏe của ngành Y tế.

- Thu thập số liệu theo tổng số người, lượt người, giới tính, độ tuổi (dưới 16 tuổi, từ 16 đến 59 tuổi và 60 tuổi trở lên), thành phần dân tộc (dân tộc Kinh, Hoa và dân tộc thiểu số khác); mức độ tổn thương.

c) Công thức tính:

$$\frac{\text{Số lượt nạn nhân bạo lực gia đình của một địa bàn trong kỳ báo cáo được khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế}}{\text{Tổng số lượt nạn nhân bạo lực gia đình có nhu cầu được chăm sóc y tế của một địa bàn đó trong cùng kỳ}} \times 100$$

d) Trách nhiệm cung cấp số liệu: Sở Y tế

8. Tỷ lệ phần trăm cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và ngoài quốc dân thực hiện giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình (mã số M1c).

a) Định nghĩa:

Tỷ lệ phần trăm cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và ngoài quốc dân của một khu vực trong kỳ báo cáo có thực hiện giáo dục chuyển đổi hành vi về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình.

b) Giải thích:

Thu thập số liệu theo tổng số người, lượt người; giới tính; độ tuổi; đối tượng (giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông), trung cấp chuyên nghiệp và cao đẳng.

c) Công thức tính:

Số lượng cơ sở giáo dục của một địa bàn trong kỳ báo cáo
có thực hiện giáo dục chuyển đổi hành vi về gia đình
và phòng, chống bạo lực gia đình

x 100

Tổng số cơ sở giáo dục của địa bàn đó trong cùng kỳ

d) Trách nhiệm cung cấp số liệu:

- Sở Giáo dục và Đào tạo cung cấp số liệu thực hiện giáo dục chuyển đổi hành vi về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình tại các cơ sở bậc giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cung cấp số liệu thực hiện giáo dục chuyển đổi hành vi về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình tại các cơ sở trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.

9. Tỷ lệ phần trăm vụ bạo lực gia đình đưa ra xét xử (mã số M7e)

a) Định nghĩa:

Tỷ lệ vụ án bạo lực gia đình được đưa ra xét xử là số vụ bạo lực gia đình đã được đưa ra xét xử của một khu vực trong cùng kỳ báo cáo tính trên 100 vụ bạo lực của địa bàn đó trong cùng kỳ báo cáo.

b) Giải thích:

- Là số vụ bạo lực gia đình đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự và được Tòa án tổ chức xét xử.

- Thu thập số liệu theo tổng số vụ án, tổng số người gây bạo lực, số lượng nạn nhân; phân chia theo giới tính, độ tuổi (dưới 16 tuổi, từ 16 đến 59 tuổi và 60 tuổi trở lên), thành phần dân tộc (dân tộc Kinh, Hoa và dân tộc thiểu số khác) và hình thức xét xử (xét xử tại tòa, xét xử lưu động).

c) Công thức tính:

Tổng số vụ án liên quan đến bạo lực gia đình
được đưa ra xét xử của một khu vực trong kỳ báo cáo

x 100

Tổng số vụ bạo lực gia đình của khu vực đó trong cùng kỳ

d) Trách nhiệm cung cấp số liệu: Tòa án nhân dân thành phố.

IV. ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN, HUYỆN THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ CÁC CHỈ SỐ NHƯ SAU:

1. Tỷ lệ phần trăm cán bộ tham gia phòng, chống bạo lực gia đình các cấp, các ngành được tập huấn nâng cao năng lực phòng, chống bạo lực gia đình (mã số M2a)

a) Định nghĩa:

Tỷ lệ cán bộ các cấp, các ngành tham gia phòng, chống bạo lực gia đình của một địa bàn/ngành trong kỳ báo cáo được tập huấn về phòng, chống bạo lực gia đình.

b) Giải thích:

- Cán bộ tham gia phòng, chống bạo lực gia đình là những cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm của các ban, ngành các cấp được tập huấn nâng cao kỹ năng tư vấn, hòa giải, hỗ trợ, thu thập thông tin về bạo lực gia đình...

- Thời gian được tính cho một lớp tập huấn ít nhất là 01 ngày.

- Thu thập số liệu theo tổng số người, lượt người, độ tuổi, giới tính, cấp hành chính (cấp quận, huyện; cấp phường, xã, thị trấn).

c) Công thức tính:

Số cán bộ tham gia phòng, chống bạo lực gia đình
các cấp được tập huấn nâng cao năng lực phòng,
chống bạo lực gia đình

x 100

Tổng số cán bộ tham gia phòng, chống bạo lực gia đình
các cấp của đơn vị đó trong cùng năm

d) Trách nhiệm cung cấp số liệu: Ủy ban nhân dân các quận, huyện.

2. Tỷ lệ phần trăm lãnh đạo chính quyền, đoàn thể cấp xã được tập huấn nâng cao năng lực phòng, chống bạo lực gia đình (mã số M3a)

a) Định nghĩa:

Tỷ lệ lãnh đạo chính quyền đoàn thể cấp xã được tập huấn là số lượng lãnh đạo chính quyền, đoàn thể của đơn vị đó đã được tập huấn nâng cao năng lực phòng, chống bạo lực gia đình.

b) Giải thích:

- Lãnh đạo chính quyền, đoàn thể cấp xã là Chủ tịch, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân; Trưởng, Phó Trưởng Công an; Chủ tịch và Phó Chủ tịch các đoàn thể: Phụ nữ, Thanh niên, Hội Nông dân, Hội Người cao tuổi, Hội Cựu chiến binh...

- Thời gian được tính cho một lớp tập huấn ít nhất là 01 ngày.

- Thu thập số liệu theo tổng số người, lượt người, độ tuổi, giới tính.

c) Công thức tính:

Tổng số lãnh đạo chính quyền, đoàn thể cấp xã
được tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình
của một vùng trong năm

x 100

Tổng số lãnh đạo chính quyền, đoàn thể
của vùng trong cùng năm

d) Trách nhiệm cung cấp số liệu: Ủy ban nhân dân quận, huyện.

3. Tỷ lệ phần trăm phường, xã, thị trấn có tổ chức hoạt động truyền thông về phòng, chống bạo lực gia đình (mã số M1a)

a) Định nghĩa:

Tỷ lệ phần trăm phường, xã, thị trấn đã tổ chức hoạt động truyền thông về phòng, chống bạo lực gia đình là số lượng phường, xã, thị trấn nằm trong chiến dịch truyền thông về phòng, chống bạo lực gia đình do quận, huyện tổ chức tại địa bàn.

b) Giải thích:

Thu thập số liệu theo số cuộc và cấp hành chính (cấp quận, huyện; cấp phường, xã, thị trấn); các hình thức truyền thông (nói chuyện chuyên đề; hội nghị; hội thảo; phát thanh; tờ rơi, tờ gấp; tin, bài...), số lượt người tham dự, trong đó thống kê cụ thể lượt phụ nữ và trẻ em tham dự.

c) Công thức tính:

Tổng số phường, xã, thị trấn tổ chức các hoạt động truyền thông về phòng, chống bạo lực gia đình của một đơn vị tính đến thời điểm báo cáo

x 100

Tổng số phường, xã, thị trấn của khu vực trong cùng thời điểm

d) Trách nhiệm cung cấp số liệu: Ủy ban nhân dân quận, huyện.

4. Số lượng giảng viên, báo cáo viên các cấp về phòng, chống bạo lực gia đình (mã số M5a)

a) Định nghĩa:

Là số lượng giảng viên, báo cáo viên về phòng, chống bạo lực gia đình đã được Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật thành phố hoặc đã qua các lớp tập huấn và được chứng nhận hoàn thành lớp tập huấn về phòng, chống bạo lực gia đình cấp quốc gia, cấp tỉnh và cấp huyện.

b) Giải thích:

Thu thập số liệu theo tổng số giảng viên, báo cáo viên phân chia theo cấp báo cáo viên (báo cáo viên cấp thành phố; báo cáo viên cấp quận, huyện); trình độ chuyên môn (cử nhân, sau đại học); độ tuổi; giới tính, thành phần dân tộc.

c) Trách nhiệm cung cấp số liệu: Sở Tư pháp và Ủy ban nhân dân quận, huyện.

5. Mô hình phòng, chống bạo lực gia đình (mã số M8a)

a) Định nghĩa:

Là số lượng mô hình phòng, chống bạo lực gia đình đã triển khai áp dụng có hiệu quả trên một địa bàn trong kỳ báo cáo.

b) Giải thích:

- Mô hình phòng, chống bạo lực gia đình thực hiện theo Công văn số 1467/BVHTTDL-GĐ ngày 13 tháng 5 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về tổ chức hoạt động của mô hình phòng, chống bạo lực gia đình, gồm 07 nội dung trọng tâm: Ban Chỉ đạo công tác gia đình các cấp; câu lạc bộ gia đình; nhóm phòng, chống bạo lực gia đình; tổ hòa giải cơ sở; địa chỉ tin cậy ở cộng đồng; công tác tư vấn về gia đình ở cơ sở và tủ sách ở khu phố, ấp.

- Thống kê số lượng mô hình đã áp dụng hiệu quả.

c) Trách nhiệm cung cấp số liệu: Ủy ban nhân dân quận, huyện.

6. Số văn bản liên quan đến phòng, chống bạo lực gia đình được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới (mã số M0d)

a) Định nghĩa

Là số lượng văn bản pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới theo quy định của pháp luật.

b) Giải thích:

- Số lượng văn bản liên quan đến phòng, chống bạo lực gia đình bao gồm các văn bản hành chính thông thường, văn bản hành chính cá biệt và văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến phòng, chống bạo lực gia đình.

- Thống kê văn bản quy phạm pháp luật do cấp quận, huyện và cấp phường, xã, thị trấn ban hành (Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, quận, huyện, phường, xã, thị trấn; Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố, quận, huyện, phường, xã, thị trấn) có liên quan đến phòng, chống bạo lực gia đình.

- Thu thập số liệu theo tên loại văn bản, số lượng văn bản (số lượng văn bản hành chính thông thường, văn bản hành chính cá biệt và văn bản quy phạm pháp luật) và cấp ban hành văn bản (quận, huyện; phường, xã, thị trấn).

c) Trách nhiệm cung cấp số liệu: Ủy ban nhân dân quận, huyện.

7. Tỷ lệ phần trăm lượt nạn nhân bạo lực gia đình được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ phòng ngừa (Đường dây nóng, địa chỉ tin cậy, Câu lạc bộ, Tổ tư vấn, Tổ hòa giải...) (mã số M6a)

a) Định nghĩa:

Tỷ lệ phần trăm lượt nạn nhân bạo lực gia đình của một địa bàn trong kỳ báo cáo được tiếp cận một trong các loại hình hỗ trợ phòng ngừa bạo lực gia đình (Đường dây nóng, địa chỉ tin cậy, câu lạc bộ phòng, chống bạo lực gia đình, tổ tư vấn, tổ hòa giải...).

b) Giải thích:

- Số lượng nạn nhân được tiếp cận các hoạt động hỗ trợ là số nạn nhân được tiếp cận phòng ngừa bạo lực gia đình, tư vấn pháp lý (ngành Tư pháp), chăm sóc sức khỏe (ngành Y tế), bảo vệ sự an toàn về tính mạng (ngành Công an), hỗ trợ tư vấn, tạm lánh (Hội Liên hiệp Phụ nữ)...

- Thu thập số liệu theo tổng số lượt nạn nhân theo độ tuổi, giới tính và loại hình dịch vụ hỗ trợ phòng ngừa.

c) Công thức tính:

Số lượt nạn nhân bị bạo lực gia đình được tiếp cận
các hoạt động hỗ trợ phòng, chống bạo lực gia đình
của một đơn vị trong năm

x 100

Tổng số lượt nạn nhân bạo lực gia đình của đơn vị đó
trong năm

d) Trách nhiệm cung cấp số liệu: Ủy ban nhân dân quận, huyện.

8. Tỷ lệ phần trăm lượt người có hành vi bạo lực gia đình được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ phòng ngừa, truyền thông, giáo dục chuyển đổi hành vi về phòng, chống bạo lực gia đình (các loại hình câu lạc bộ, tổ tư vấn, tổ hòa giải,..) (mã số M7a)

a) Định nghĩa:

Tỷ lệ lượt người gây bạo lực gia đình của một khu vực trong kỳ báo cáo được tiếp cận các hoạt động hỗ trợ cộng đồng thông qua việc tham gia câu lạc bộ phòng, chống bạo lực gia đình, câu lạc bộ dành cho người gây bạo lực gia đình hoặc nhận sự hỗ trợ của tổ tư vấn, tổ hòa giải.

b) Giải thích:

- Số lượt người có hành vi bạo lực gia đình được tiếp cận các hoạt động hỗ trợ về phòng ngừa, giáo dục chuyển đổi hành vi, tư vấn pháp lý, hỗ trợ việc làm (nếu chưa có việc làm)...

- Thu thập số liệu theo số vụ bạo lực gia đình, tổng số lượt người gây bạo lực, phân chia theo giới tính, độ tuổi (dưới 16 tuổi, từ 16 đến 59 tuổi và 60 tuổi trở lên), thành phần dân tộc (dân tộc Kinh, Hoa và dân tộc thiểu số khác).

c) Công thức tính:

Tổng số lượt người gây bạo lực gia đình được
tiếp cận các hoạt động hỗ trợ phòng, chống bạo lực
gia đình của một đơn vị trong kỳ báo cáo

x 100

Tổng số người gây bạo lực gia đình
của khu vực đó trong cùng kỳ

d) Trách nhiệm cung cấp số liệu: Ủy ban nhân dân quận, huyện.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Bộ Chỉ số theo dõi và đánh giá Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình trích từ nguồn ngân sách của các cơ quan theo phân cấp ngân sách hàng năm.

Căn cứ nhiệm vụ được giao theo quy định, hàng năm các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân quận, huyện có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, nội dung công việc cụ thể triển khai thực hiện Bộ Chỉ số theo dõi và đánh giá Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình; lập dự toán kinh phí thực hiện và tổng hợp cùng với dự toán chi ngân sách nhà nước của cơ quan, gửi cơ quan tài chính đồng cấp tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Văn hóa và Thể thao

Là cơ quan chủ trì, đầu mối phối hợp với Sở - ngành và Ủy ban nhân dân quận, huyện triển khai thực hiện thu thập, quản lý thông tin theo Bộ chỉ số theo dõi và đánh giá thực hiện Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn thành phố, đảm bảo mỗi kết quả thu thập, đo lường (có tính đến đầu vào) phải được theo dõi chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác thực để làm căn cứ đối chiếu hàng năm.

Xây dựng kế hoạch thực hiện Bộ Chỉ số theo dõi và đánh giá Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình định kỳ hàng năm và dự toán kinh phí ngân sách trình cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện.

Tổ chức hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch, tổng hợp thông tin số liệu, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Trên cơ sở đề xuất của Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố lồng ghép các chính sách về công tác gia đình, các chỉ số theo dõi và đánh giá Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020 vào trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của thành phố.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với các Sở - ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát việc lập kế hoạch, dự toán, sử dụng nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch, nhất là đối với phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố.

4. Công an thành phố

Phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân thành phố, Tòa án nhân dân thành phố thực hiện các nhiệm vụ tại mục III.1 (mã số M6d), III.2 (mã số M7b), III.3 (mã số M7c) của Kế hoạch này.

Chỉ đạo công an quận, huyện chủ trì phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cùng cấp xử lý các vụ bạo lực gia đình có hậu quả nghiêm trọng, có đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự, đưa vụ án xét xử công khai, lưu động, xử phạt nghiêm minh.

Chỉ đạo Công an phường, xã, thị trấn phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nạn nhân bạo lực gia đình, chủ động phòng ngừa kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình; phối hợp, tạo điều kiện cho cơ quan quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình thực hiện nhiệm vụ thống kê về phòng, chống bạo lực gia đình.

5. Viện Kiểm sát nhân dân thành phố

Chủ trì, phối hợp với Công an thành phố thực hiện nhiệm vụ tại mục III.3 (mã số M7c).

Chỉ đạo Viện Kiểm sát nhân dân quận, huyện phối hợp với cơ quan công an, tòa án nhân dân cùng cấp xử lý nghiêm các vụ phạm tội có tính chất bạo lực gia đình, tạo điều kiện cho cơ quan quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình thực hiện nhiệm vụ thống kê về phòng, chống bạo lực gia đình.

6. Tòa án nhân dân thành phố

Chủ trì, phối hợp với Công an thành phố và Viện Kiểm sát nhân dân thành phố thực hiện các nhiệm vụ tại mục III.4 (mã số M7d) và mục III.9 (mã số M7e) của Kế hoạch này.

Hướng dẫn, chỉ đạo Tòa án nhân dân quận, huyện thực hiện các chỉ số trên; áp dụng thống nhất pháp luật phòng, chống bạo lực gia đình; phối hợp với cơ quan công an và Viện kiểm sát cùng cấp phát hiện điều tra, truy tố, xét xử lưu động các vụ án về bạo lực gia đình tại địa bàn xảy ra vụ án, xử lý nghiêm minh; phối hợp, tạo điều kiện cho cơ quan quản lý nhà nước về gia đình cùng cấp thực hiện nhiệm vụ thống kê về phòng, chống bạo lực gia đình.

7. Sở Tư pháp

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện nhiệm vụ tại mục III.5 (mã số M1b), mục III.6 (mã số M6b) và mục IV.4 (mã số M5a) của Kế hoạch này.

Hướng dẫn nghiệp vụ, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng hòa giải về hôn nhân gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình cho đội ngũ làm công tác tư pháp quận, huyện; phường, xã, thị trấn. Thường xuyên kiểm tra đối với tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý, hướng dẫn dịch vụ pháp lý phù hợp hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.

8. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện nhiệm vụ tại mục IV.7 (mã số M6c) của Kế hoạch này.

Hướng dẫn nghiệp vụ cho các cơ sở khám chữa bệnh (công lập và ngoài công lập) báo cáo các trường hợp bệnh nhân là nạn nhân bạo lực gia đình.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện nhiệm vụ tại mục IV.8 (mã số M1c) của Kế hoạch này.

Chỉ đạo, hướng dẫn Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện và các cơ sở giáo dục thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố triển khai lồng ghép thực hiện Bộ Chỉ số theo dõi và đánh giá chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình bằng nhiều hình thức thiết thực, bổ ích.

10. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện nhiệm vụ tại mục IV.8 (mã số M1c) của Kế hoạch này.

2* Hướng dẫn các cơ sở trực thuộc thu thập số liệu trên theo quy định. Tổ chức đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho đối tượng có nguy cơ cao gây bạo lực gia đình. Hướng dẫn triển khai lồng ghép nội dung bạo lực gia đình vào nội dung tuyên truyền bạo lực giới trong quá trình triển khai thực hiện.

11. Ủy ban nhân dân quận, huyện

Trên cơ sở Kế hoạch tổng thể, Ủy ban nhân dân quận, huyện xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể thuộc Chương trình hành động quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình thuộc phạm vi quản lý, phải bám sát vào mục tiêu, chỉ tiêu của Bộ Chỉ số và đặc điểm kinh tế - xã hội của địa phương, phân bổ kinh phí và chỉ đạo các cơ quan chức năng thuộc địa phương triển khai thực hiện Bộ chỉ số theo dõi và đánh giá Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình.

Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn và các phòng, ban, đơn vị trực thuộc thực hiện thu thập, quản lý thông tin theo Bộ chỉ số theo dõi và đánh giá thực hiện Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình.

Đưa các mục tiêu, chỉ tiêu thực hiện các chỉ số trên vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn và ngắn hạn của địa phương. Xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch hoạt động theo định kỳ hàng năm phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Phân công một lãnh đạo Phòng Văn hóa và Thông tin và cán bộ phụ trách công tác gia đình chịu trách nhiệm chính hướng dẫn triển khai thực hiện Bộ Chỉ số theo dõi và đánh giá Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình; tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung trên theo định kỳ hàng năm.

VII. THÔNG TIN BÁO CÁO

Báo cáo kết quả thực hiện Bộ Chỉ số theo dõi và đánh giá Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình cho Sở Văn hóa và Thể thao - cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Công tác gia đình, định kỳ 06 tháng (trước ngày 15 tháng 6) và hàng năm (trước ngày 15 tháng 11).

Giao Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các Sở - ngành, đoàn thể thành phố và Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện tốt công tác kế hoạch, thông tin, báo cáo. Định kỳ thực hiện tổng hợp thông tin, lập báo cáo trình Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định; Thực hiện các hoạt động sơ kết, tổng kết Bộ Chỉ số theo dõi và đánh giá Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình theo hướng dẫn của Trung ương.

Trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung nêu trên, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị thủ trưởng các đơn vị phản ánh về Sở Văn hóa và Thể thao để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết./.



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thu

Tên đơn vị		11										12					
Hội hành vi về xây dựng GD,		Tỷ lệ phần trăm vụ bạo lực gia đình đưa ra xét xử (mã số M7e) (Tòa án nhân dân Thành phố)										Số lượng văn bản liên quan đến GD, PCBLGD cấp tỉnh (mã số M0d) (Số VHIT)					
Số lượng NN được giáo dục chuyển đổi hành vi		Tiểu học		Tỷ lệ phần trăm vụ bạo lực gia đình đưa ra xét xử								Tổng số					
		Trung học cơ sở		Tổng số vụ án liên quan đến bạo lực gia đình								Văn bản quy phạm pháp luật					
		Trung học phổ thông		Tổng số vụ án liên quan đến bạo lực gia đình đưa ra xét xử								Văn bản hành chính thông thường					
		Trung cấp chuyên nghiệp										Văn bản hành chính cá biệt					
		Cao đẳng															
Số A		0		####				Tổng số vụ		Nam		Nữ		Thành phần dân tộc		0	
Số B		0		####				Tổng số lượt người		Dưới 16 tuổi		Từ 16 đến 59 tuổi		Từ đủ 60 tuổi trở lên		0	
Đơn vị C		0		####				Tổng số lượt người		Dưới 16 tuổi		Từ 16 đến 59 tuổi		Từ đủ 60 tuổi trở lên		0	

NGƯỜI LẬP BẢNG

THỦ TRƯỞNG

Tên đơn vị	Số lượng báo cáo viên cấp thành phố (mã số M5a) (Số Tư pháp)		Tỷ lệ phần trăm lượt nạn nhân bạo lực gia đình được tiếp cận dịch vụ tư vấn pháp lý (Số Tư pháp)	
	Nam	Đại học		
		Thạc sĩ		
		Tiến sĩ, PGS, GS		
		Dưới 30 tuổi		
		Từ 30 đến 45 tuổi		
		Từ 46 đến 54 tuổi		
		Trên 55 tuổi		
		Tổng số người		
	Nữ	Cao đẳng		
		Đại học		
		Thạc sĩ		
		Tiến sĩ, PGS, GS		
		Dưới 30 tuổi		
		Từ 30 đến 45 tuổi		
		Từ 46 đến 54 tuổi		
		Trên 55 tuổi		
		Tỷ lệ phần trăm lượt nạn nhân bạo lực gia đình được tiếp cận dịch vụ tư vấn pháp lý		
		Tổng số lượt nạn nhân bạo lực gia đình		
		Tổng số lượt nạn nhân bạo lực gia đình được tư vấn pháp lý		
	Nam	Tổng số vụ		
		Tổng số lượt người		
		Dưới 16 tuổi		
		Từ 16 đến 59 tuổi		
		Từ đủ 60 tuổi trở lên		
	Nữ	Tổng số vụ		
		Tổng số lượt người		
		Dưới 16 tuổi		
		Từ 16 đến 59 tuổi		
		Từ đủ 60 tuổi trở lên		
	Nữ thuộc dân tộc	Tổng số		
	Kinh			
	Hoa			
	Khác			
	Hình thức trợ giúp pháp lý	Tư vấn trực tiếp		
		Tư vấn gián tiếp		
		Tư vấn qua đường dây nóng		
		Khác		
		Tỷ lệ phần trăm lượt nạn nhân bạo lực gia đình được tiếp cận dịch vụ chăm sóc y tế		

[illegible]

3												4												5																							
Tên đơn vị												Tỷ lệ phần trăm vụ bạo lực gia đình bị khởi tố (M7c) (ngành Công an)												Tỷ lệ phần trăm vụ bạo lực gia đình bị truy tố (M7c) (Viện Kiểm sát)												Tỷ lệ phần trăm vụ bạo lực gia đình để nghị xét xử (Tòa án nhân dân)											
Số A	Nữ	Từ 16 đến 59 tuổi	Từ đủ 60 tuổi trở lên	Tổng số vụ	Tổng số người	Dưới 16 tuổi	Từ 16 đến 59 tuổi	Từ đủ 60 tuổi trở lên	Tổng số	Nữ thuộc dân tộc	Tỷ lệ phần trăm vụ bạo lực gia đình bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Nam	Tổng số vụ	Tổng số người	Dưới 16 tuổi	Từ 16 đến 59 tuổi	Từ đủ 60 tuổi trở lên	Tổng số	Nữ thuộc dân tộc	Tỷ lệ phần trăm vụ bạo lực gia đình bị đưa ra xét xử																											
		Tổng số vụ	Tổng số người	Dưới 16 tuổi	Từ 16 đến 59 tuổi	Từ đủ 60 tuổi trở lên	Tổng số	Tổng số vụ	Tổng số người				Dưới 16 tuổi	Từ 16 đến 59 tuổi	Từ đủ 60 tuổi trở lên	Tổng số																															
		Kinh	Hoa	Khác	Kinh	Hoa	Khác	Kinh	Hoa				Khác	Kinh	Hoa	Khác																															
		Tỷ lệ phần trăm vụ bạo lực gia đình bị truy tố																																													
		Số B	Tổng số vụ bạo lực gia đình											Nam	Tổng số vụ bạo lực gia đình bị đưa ra xét xử																																
	Đơn vị C												Nam																																		

Biểu mẫu 1 dành cho cơ quan đặc thù

BẢO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ CHỈ SỐ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA VỀ PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

[illegible]

- Chỉ nhập dữ liệu vào các ô màu trắng, không nhập dữ liệu vào các ô màu đen. Các ô màu đen là các ô tổng dữ liệu, đã được cài công thức và tự động cập nhật dữ liệu.

- Cột nào không có dữ liệu để trống hoặc ghi số 0.

3. Thông tin báo cáo

Thông tin báo cáo thực hiện theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại mục VII Quyết định số 6524/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2017: “*Báo cáo kết quả thực hiện Bộ Chỉ số theo dõi và đánh giá Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình cho Sở Văn hóa và Thể thao - cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Công tác gia đình, định kỳ 6 tháng (trước ngày 15 tháng 6) và 1 năm (trước ngày 15 tháng 11)*”; đồng thời chuyển thông tin báo cáo đến hộp thư điện tử: lvthau.svhtt@tphcm.gov.vn, để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ VHTTDL;
- Vụ Gia đình Bộ VHTTDL;
- UBND TP;
- BGĐ (GD, PGĐ phụ trách);
- Lưu VT, XDNSVHGĐ (H).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Võ Trọng Nam



Người ký: Sở Văn
hóa và Thể thao
Email:
svhtt@tphcm.gov.vn
Cơ quan: Thành phố
Hồ Chí Minh
Thời gian ký:
14.05.2018 10:42:50
+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2278/SVHTT – XDNSVHGD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2018

Về ban hành biểu mẫu báo cáo
Bộ Chỉ số theo dõi và đánh giá
Chương trình hành động quốc gia
về phòng, chống bạo lực gia đình
đến năm 2020

Kính gửi:

- Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố;
- Tòa án nhân dân Thành phố;
- Công an Thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Sở Y tế;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Ủy ban nhân dân 24 quận, huyện.

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại mục VI.1 và mục VII Quyết định số 6524/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2017 về ban hành Kế hoạch thực hiện Bộ Chỉ số theo dõi và đánh giá việc thực hiện Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Sở Văn hóa và Thể thao đã lấy ý kiến các sở, ngành; quận, huyện góp ý dự thảo biểu mẫu báo cáo biểu mẫu báo cáo Bộ chỉ số theo dõi và đánh giá Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình (đính kèm bản tổng hợp ý kiến góp ý của các đơn vị).

Nay Sở Văn hóa và Thể thao ban hành chính thức biểu mẫu báo cáo và hướng dẫn cách nhập dữ liệu Bộ chỉ số theo dõi và đánh giá Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình, như sau:

1. Thông tin về biểu mẫu báo cáo

- Biểu mẫu báo cáo được thiết kế trên phần mềm excel: Biểu mẫu 1 dành cho các cơ quan đặc thù (sở, ban, ngành); Biểu mẫu 2 dành cho Ủy ban nhân dân quận, huyện;
- Biểu mẫu cài công thức có sẵn và tự động cập nhật dữ liệu khi các đơn vị nhập dữ liệu. Biểu mẫu giúp các sở, ngành; quận, huyện thuận lợi trong trích lọc, tra cứu, rà soát thông tin về gia đình; phòng, chống bạo lực gia đình và bình đẳng giới toàn thành phố.

2. Hướng dẫn cách nhập dữ liệu

- Mỗi đơn vị (sở, ngành; quận, huyện) nhập dữ liệu trên một dòng.

Quận, huyện		Số lượng báo cáo viên cấp quận, huyện (mã số M5a)		Số lượng văn bản liên quan đến phòng, chống bạo lực gia đình (mã số M0d)		Tỷ lệ phần trăm lượt nạn nhân bạo lực gia đình được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ phòng ngừa	
Phát hành tài liệu tuyên truyền	Tờ rơi, tờ gấp	Loại hình khác (ghi cụ thể)	Tổng số	Tổng số người	Nam	Tổng số người	Nữ
	Pa nô (tấm)						
	Băng rôn (tấm)						
	Số lượng áp phích, phát thanh (cố định, lưu động) tin, bài						
	Cuộc						
	Tổng lượt người tham dự						
	Trong đó lượt phụ nữ và trẻ em tham dự						
Quận A							
Quận B							
Quận C							
TC							